

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2023/TLST - DS ngày 03 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Th, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận: Tính đến ngày 05/12/2023 bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), không yêu cầu về lãi suất.

2.2. Về thời gian và cách thức trả nợ: Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) chia thành 8 lần, cụ thể như sau:

Chậm nhất đến ngày 30/6/2024 bà T trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Chậm nhất đến ngày 30/12/2024 bà T trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Chậm nhất đến ngày 30/6/2025 bà T trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Chậm nhất đến ngày 30/12/2025 bà T trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Chậm nhất đến ngày 30/6/2026 bà T trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Chậm nhất đến ngày 30/12/2026 bà T trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Chậm nhất đến ngày 30/6/2027 bà T trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Chậm nhất đến ngày 30/12/2027 bà T trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí giá ngạch tài sản.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005956 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

